

Số: **364/2026/QĐST-VHNGĐ**

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: **Bà Sa Thị Phụng**

Thư ký phiên họp: **Bà Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên họp: **Bà Nguyễn Thu Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 432/2026/TLST-HN ngày 01/04/2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 17/QĐST-VHNGĐ ngày 03/4/2026 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- **Người yêu cầu: Bà Trần Thị Lan A** sinh năm 1994

Căn cước công dân số 031194002318 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 31/01/2023. Nơi thường trú: **Số B C T, quận H, thành phố Hải Phòng**. Nơi tạm trú: **Tổ A N, phường T, thành phố Hà Nội**.

- **Người yêu cầu: Ông Liu S** sinh năm 1995

Quốc tịch: Trung Quốc; Chứng minh thư số: 210503199506130619 do Phân cục Khê Hồ, **Cục Công an thành phố B** cấp có thời hạn từ ngày 27/10/2022 đến ngày 27/10/2042. Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 1-7-18 **số F đường T, quận K, thành phố B, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc**.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai, văn bản ý kiến của bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** cùng thống nhất trình bày:

- **Về tình cảm:** Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp tại **Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng** vào ngày 01/12/2020. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp. Hai bên đã có thời gian suy

ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề nhưng các vấn đề vẫn không được cải thiện. Mặc dù đã được gia đình hai bên, anh em, bạn bè đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** có 01 con chung là cháu **L Shi Han**: Sinh ngày: 03/08/2020; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Trung Quốc. Hiện nay, cháu đang ở với ông **Liu S** tại địa chỉ: **1 số F đường T, quận K, thành phố B, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc**. Ông bà thỏa thuận giao con chung cho ông **Liu S** sẽ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông **Liu S** không yêu cầu **Trần Thị Lan A** cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí lệ phí: Bà **Trần Thị Lan A** tự nguyện nộp lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp: Bà **Trần Thị Lan A** giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Ông **Liu S** xin vắng mặt (đã có yêu cầu xin vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 01/12/2020 tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Việc bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc hôn nhân gia đình, ông **Liu S** đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Về sự vắng mặt của ông **Liu S** tại phiên họp: ông **Liu S** đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình vắng mặt ông **Liu S** theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quá trình chung sống, bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ít quan tâm nhau. Ngoài ra do khoảng cách địa lý vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, bà **Trần Thị Lan A** sống tại Việt Nam, ông **Liu S** sinh sống tại Trung Quốc nên mâu thuẫn của ông bà càng thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** có 01 con chung là cháu **L Shi Han**: Sinh ngày: 03/08/2020; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Trung Quốc. Hiện nay, cháu đang ở với ông **Liu S** tại địa chỉ: **1 số F đường T, quận K, thành phố B, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc**. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho ông **Liu S** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **L Shi Han** cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông **Liu S** không yêu cầu bà **Trần Thị Lan A** cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện. Bà **Trần Thị Lan A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà **Trần Thị Lan A** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điều 35, Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S**.

2. Về con chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** có 01 con chung là cháu **L Shi Han**: Sinh ngày: 03/08/2020; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Trung Quốc. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung là cháu **Liu S1 Han** cho ông **L Shuai** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông **Liu S** không yêu cầu bà **Trần Thị Lan A** cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không xét.

Bà **Trần Thị Lan A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Bà **Trần Thị Lan A** và ông **Liu S** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà **Trần Thị Lan A** chịu cả **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007806 ngày 01/04/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Hà Nội. Bà **Trần Thị Lan A** đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/4/2026.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Sa Thị Phụng

